

Tên Doanh nghiệp:.....
Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược:.... Ngày cấp:.... Nơi cấp:....
Địa chỉ ĐKKD:.....
Số điện thoại:; Email:.....
Người liên hệ:....., Số điện thoại..... Email:.....

BẢNG BẢO GIÁ THUỐC BIỆT DƯỢC, THUỐC GENERIC NĂM 2023-2024

Kính gửi : Sở Y tế Bắc Giang

Đơn vị tính: VND

| STT | STT theo TT 30 | STT theo TT03 | STT theo TT15/2020 | Tên hoạt chất (Ghi theo TT30) | Tên hoạt chất (Ghi theo GPLHSP) | Nhóm TCKT theo TT 15/ 2019; TT29/ 2020 | Nồng độ/ hàm lượng (Ghi theo GPLHSP) | Dường dùng | Dạng bào chế (theo quy định tại Phụ lục 4 TT 15/ 2019) | Dạng bào chế ghi trong GPLHSP/ GPNK | Đơn vị tính | Tên thuốc | SDK/ VISA hoặc GPNK | Cơ sở sản xuất | Nước sản xuất | Đơn giá (đã có VAT) | Công bố giá KK/ KKL của Cục Quản lý Dược | | Giá trúng thầu từ tháng 4/2022 đến nay | | | | | |
|-----|----------------|---------------|--------------------|-------------------------------|---------------------------------|--|--------------------------------------|------------|--|-------------------------------------|-------------|-----------|---------------------|----------------|---------------|---------------------|--|--------------|--|---------------------------------------|------------------|---------------------------------------|------------------|---------------------------------------|
| | | | | | | | | | | | | | | | | | Giá KK/KKL | Ngày kê khai | Giá trúng thầu 1 | Các nơi trúng thầu giá thứ 1 (SYT/BV) | Giá trúng thầu 2 | Các nơi trúng thầu giá thứ 2 (SYT/BV) | Giá trúng thầu 3 | Các nơi trúng thầu giá thứ 3 (SYT/BV) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 |
| 1 | | | | Acenocoumarol | Acenocoumarole | 4 | 1mg | Uống | Viên | | Viên | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

....., ngày..... tháng năm 2022

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

*** Ghi chú:**

- Từ viết tắt:

- + TT30: Thông tư số 30/2018/TT-BYT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm,thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;
- + TT03: Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;
- + TT15/ 2019: Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;
- + TT15/ 2020: Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;
- + TT29/2020: Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;
- + STT: Số thứ tự; GPLHSP: Giấy phép lưu hành sản phẩm; GPNK: Giấy phép nhập khẩu; KK/KKL: Kê khai/ Kê khai lại; SYT/BV: Sở Y tế/ Bệnh viện.

- **Cột 4:** Ghi số thứ tự tương ứng Phần 1. Danh mục thuốc hóa dược, Phụ lục I Thông tư 15/2020/TT-BYT.
- **Cột 5, Cột 6:** Ghi đúng tên hoạt chất theo Thông tư số 30/2018/TT-BYT, Giấy phép lưu hành sản phẩm tương ứng.
- **Cột 7:** Ghi nhóm tiêu chí kỹ thuật theo Thông tư số 15/2019/TT-BYT, Thông tư số 29/2020/TT-BYT (gồm các nhóm từ 1 đến 5; Biệt dược gốc ghi BD).
- **Cột 8:** Ghi nồng độ hàm lượng theo Giấy phép lưu hành sản phẩm. Lưu ý đối với thuốc có thể tích, ghi "nồng độ/hàm lượng-thể tích", kê cả thể tích 1ml, ví dụ: **4mg/ml-1ml**.
- **Cột 20-22-24:** Chỉ điền nhiều cột khi các giá trị trúng thầu khác nhau; Trường hợp có nhiều hơn 3 mức giá trúng thầu phải ghi mức giá thấp nhất và giá cao nhất.
- **Cột 21-23-25:** Ghi không quá 03 tên SYT/BV.

Font chữ: Times New Roman. Số phải được định dạng number, sử dụng dấu (.) phân cách hàng đơn vị, dấu (,) để phân cách hàng thập phân, đơn giá chỉ để tối đa hai chữ số hàng thập phân.